

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Phương  
**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Hiền  
Ông Nguyễn Trọng Quế  
**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.  
**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 57/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh My T, sinh năm 1948 (có mặt).  
- **Bị đơn:** Bà Phan Hồng S, sinh năm 1949 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp I, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Ông Kim Chan Đa R, là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị T1 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Phan Thị C (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Trịnh Mỹ T2, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Hồng S (bị đơn).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo lời trình bày của các bên đương sự và kết quả xét xử sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S kết hôn vào năm 1976, đến ngày 13/4/2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T. Thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ông Trịnh My T xin ly hôn bà Phan Hồng S.

Theo ông Trịnh My T cho rằng, cuộc sống chung giữa ông với bà Phan Hồng S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau, vợ chồng không tìm được hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Hồng S. Còn bà Phan Hồng S thì cho rằng cuộc sống chung giữa bà với ông Trịnh My T tuy có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng và hiện nay cả hai đều tuổi đã cao nên bà không đồng ý ly hôn với ông Trịnh My T.

Về con chung có 04 người là Trịnh Mỹ T2, sinh năm 1977; Trịnh Mỹ D, sinh năm 1980; Trịnh Thanh T3, sinh năm 1983 và Trịnh Huy H, sinh năm 1987. Ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S xác định là con chung đã đủ tuổi thành niên và có gia đình riêng. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ, ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S nợ Ngân hàng N chi nhánh huyện T số tiền vốn vay là 165.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 13/5/2021 là 262.702.917 đồng. Tổng cộng là 427.702.917 đồng. Số nợ này ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S thỏa thuận để ông Trịnh My T trả nợ cho Ngân hàng và ông Trịnh My T đã trả nợ xong, Ngân hàng N chi nhánh huyện T đã rút yêu cầu độc lập về việc đòi lại nợ vay. Ngoài ra, bà Phan Hồng S còn xác định là vợ chồng có nợ chị Trịnh Mỹ T2 số tiền 220.000.000 đồng, nợ chị Đỗ Thị T1 46 chỉ vàng 24k để chu cấp cho con đi du học. Ông Trịnh My T còn có nợ riêng của bà Phan Thị C 07 chỉ vàng 24k và nợ chị Trịnh Mỹ T2 20 chỉ vàng 24k.

Chị Trịnh Mỹ T2 xác định về số nợ và mục đích nợ vay đúng như bà Phan Hồng S trình bày và số nợ này là chuyện gia đình nên để ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S tự thỏa thuận thanh toán nợ, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 20/3/2023, chị Trịnh Mỹ T2 nộp đơn yêu cầu ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S trả số tiền 220.000.000 đồng và yêu cầu ông Trịnh My T trả cho chị 20 chỉ vàng 24k.

Bà Phan Thị C và chị Đỗ Thị T1 không có ý kiến.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 57/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, quyết định:*

- Chấp nhận cho ông Trịnh My T ly hôn với bà Phan Hồng S.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N - chi nhánh huyện T về việc yêu cầu ông Trịnh My T thanh toán nợ vay.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/3/2023, bà Phan Hồng S kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh My T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Hồng S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng S. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 57/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Phan Hồng S được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, ông Trịnh My T và bà Phan Hồng S kết hôn vào năm 1976, đến ngày 13/4/2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận hôn nhân hợp pháp và xem xét giải quyết việc xin ly hôn giữa ông Trịnh My T với bà Phan Hồng S là có căn cứ.

[3] Bà Phan Hồng S kháng cáo bản án sơ thẩm vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không trầm trọng, quá trình sống chung thì mọi việc lo cho gia đình từ việc chi tiêu cho đến việc lo cho con chung đều do bà lo liệu dẫn đến nợ người khác nên việc ông Trịnh My T xin ly hôn là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng, có ý định tẩu tán tài sản chung là bán đi phần đất ở huyện T do phần đất này ông Trịnh My T tự bán và tiêu xài mà không được sự đồng ý của bà. Bên cạnh đó, vì vợ chồng tuổi đã cao cần có sự chăm sóc lẫn nhau và cũng vì uy tín của vợ chồng đối với gia đình, bà con, láng giềng và thông gia nên bà yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác đơn xin ly hôn của ông Trịnh My T.

Xét qua yêu cầu kháng cáo của bà Phan Hồng S cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng theo lời khai của ông Trịnh My T là không có chứng cứ chứng minh và hiện tại ông Trịnh My T, bà Phan Hồng S đều tuổi đã cao cũng như tình cảm của vợ chồng cần phải được gắn kết để chăm lo cho gia đình, làm gương cho con, cháu và xã hội. Tuy nhiên, xét về mâu thuẫn và mục đích của hôn nhân thì theo lời trình bày của bà Phan Hồng S tại Đơn yêu cầu ngày 28/12/2021 và “Bản ý kiến” lập ngày 09/6/2022 bà Phan Hồng S đã xác định là do ông Trịnh My T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng, bà và ông Trịnh My T không còn sống chung từ năm 2011. Cũng tại các văn bản này và lời trình bày của bà Phan Hồng S tại phiên tòa đã thể hiện rõ sự

mâu thuẫn sâu sắc giữa vợ chồng về tài sản chung, nợ chung cũng như trách nhiệm của vợ chồng trong việc chăm lo cho gia đình không có được sự đồng cảm của ông Trịnh My T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Hồng S cũng thừa nhận rằng, trong cuộc sống vợ chồng thì ông Trịnh My T đối xử với bà rất thậm tệ, giữa bà và ông Trịnh My T hiện tại không còn sự gắn kết gì về tình cảm vợ chồng, bà cũng không còn quyến luyến về tình cảm với ông Trịnh My T. Bà kháng cáo không đồng ý ly hôn là do ông Trịnh My T xin ly hôn bà là để nhằm phân chia tài sản chung của vợ chồng, nhằm tẩu tán tài sản chung và trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Từ đó cho thấy, giữa ông Trịnh My T với bà Phan Hồng S hiện tại không còn sự gắn kết về mặt tình cảm vợ chồng mà chỉ còn là trách nhiệm của hai người, trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái và gia đình, trách nhiệm đối với người thân và xã hội. Trên thực tế, từ năm 2011 đến nay, ông Trịnh My T với bà Phan Hồng S không còn chung sống với nhau và hiện tại giữa hai người không thể tiếp tục cuộc sống chung. Còn ông Trịnh My T cũng thừa nhận tình cảm giữa ông với bà Phan Hồng S không còn. Việc ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là có thật và ông với bà Phan Hồng S không còn chung sống từ năm 1997 cho đến nay. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông Trịnh My T ly hôn với bà Phan Hồng S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung có 04 người, đều đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống; tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và phần nợ do các chủ nợ không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp. Riêng đối với chị Trịnh Mỹ T2 có yêu cầu đòi lại tiền và vàng nhưng từ giai đoạn Công khai chứng cứ và hòa giải chị Trịnh Mỹ T2 không yêu cầu, khi xét xử thì mới đặt ra yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết mà chị Trịnh Mỹ T2 được quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Đối với Ngân hàng N chi nhánh huyện T đã rút yêu cầu độc lập về việc đòi lại nợ vay và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng là có căn cứ.

[5] Từ nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng S. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 57/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp theo nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Bà Phan Hồng S được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng S. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 57/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

2. Căn cứ các Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận cho ông Trịnh My T được ly hôn với bà Phan Hồng S.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T về việc yêu cầu ông Trịnh My T thanh toán nợ vay.

- Ông Trịnh My T được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011643 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

3. Bà Phan Hồng S được miễn án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi Cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thế Phương**

